

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 18 - 4 - 2022.

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Việt Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đoàn Văn Em.

Ông Nguyễn Văn Vũ.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2022/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 01 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Ngọc H, sinh năm 1993 (có mặt).

Địa chỉ nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ nơi cư trú: ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 20 tháng 01 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đinh Thị Ngọc H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn L kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 17 tháng 3 năm 2016. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với nhau đến năm 2020 thì ly thân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường hay cự cãi, tính tình không hợp nhau. Thời

gian ly thân hai bên có hàn gắn nhưng không đạt kết quả. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh L. Con chung có 01 cháu tên Nguyễn Gia B, sinh ngày 06 tháng 5 năm 2017 hiện nay đang sống chung với anh L, khi ly hôn chị để anh L tiếp tục nuôi con, chị không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn L trình bày: Về quá trình hôn nhân giống như lời trình bày của chị H. Nguyên nhân mất hạnh phúc là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau và thường hay cự cãi, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, thời gian ly thân có hàn gắn nhiều lần nhưng không đạt kết quả. Nay anh còn thương vợ, thương con nên không muốn ly hôn. Về con chung có 01 cháu giống như lời trình bày của chị H, nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh đồng ý tiếp tục nuôi con và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có.

Tại phiên tòa ông Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh L; về con chung anh L trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 06 tháng 5 năm 2017, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân; bị đơn anh Nguyễn Văn L có nơi cư trú tại ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Đinh Thị Ngọc H và anh Nguyễn Văn L, Hội đồng xét xử thấy rằng anh chị kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 17 tháng 3 năm 2016, việc kết hôn tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn cả hai anh chị đều trình bày vợ chồng sống chung đến năm 2020 thì ly thân cho đến nay, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường hay cự cãi, tính tình không hợp nhau. Tại phiên tòa chị H cương quyết yêu cầu ly hôn còn anh L nêu lý do còn thương vợ, thương con nên không muốn ly hôn. Xét thấy hôn nhân của chị H và anh L chỉ tồn tại trong khoảng thời gian không dài đã phát sinh mâu thuẫn dẫn đến sống ly thân, thời gian ly thân anh chị đã nhiều lần hàn gắn nhưng không đạt kết quả, anh L có nguyện vọng đoàn tụ nhưng cũng không đưa ra được

giải pháp nào có tính thuyết phục được sự đồng ý của chị H. Do đó có căn cứ để xác định quan hệ hôn nhân của anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Trong quá trình hôn nhân, chị H và anh L có 01 con chung tên Nguyễn Gia B, sinh ngày 06 tháng 5 năm 2017 hiện nay đang sống chung với anh L, cả hai anh chị đều thống nhất nếu ly hôn thì anh L sẽ trực tiếp nuôi con, xét thấy sự thỏa thuận của anh chị là tự nguyện, đồng thời để bảo đảm ổn định cho cuộc sống của cháu B thiết nghĩ nên để anh L tiếp tục nuôi con là phù hợp, do anh L không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện của anh L nên Hội đồng xét xử không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với chị H.

[4] Về chia tài sản khi ly hôn: Chị H và anh L đều thống nhất không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nghĩa vụ nộp án phí: Chị H phải nộp án phí ly hôn theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của ông Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đinh Thị Ngọc H.

Chị Đinh Thị Ngọc H được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Văn L trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 06 tháng 5 năm 2017 hiện nay đang sống chung với anh L; chị Đinh Thị Ngọc H không phải cấp dưỡng nuôi con do anh L không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Về chia tài sản khi ly hôn: Chị Đinh Thị Ngọc H và anh Nguyễn Văn L trình bày không có tài sản chung và nợ chung nên không xem xét giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ nộp án phí: Án phí ly hôn chị Đinh Thị Ngọc H phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 000xxxx, ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre nên không phải nộp thêm.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[6] Về việc thi hành bản án khi có hiệu lực pháp luật: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre
(Phòng KTNV và THA) (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- UBND xã H, huyện M,
tỉnh Bến Tre (ĐKKH số xx, ngày 17/3/2016) (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Việt Thiện